

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I - LỚP 12

* NHẬN BIẾT:

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch trừ quốc gia nào?

- A. Trung Quốc. B. Triều Tiên. C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 2. Ba con rồng kinh tế của Đông Bắc Á bao gồm

- A. Hàn Quốc, Hồng Kông, Ma Cao. B. Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan.
C. Hàn Quốc, Ma Cao, Triều Tiên. D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

Câu 3. Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, thành lập ra nước

- A. Dân chủ Nhân dân Trung Hoa. B. Cộng hòa Trung Hoa.
C. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

Câu 4. Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật năm 1964 của Trung Quốc là

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo. B. thử thành công bom nguyên tử.
C. phóng tàu vũ trụ Thần Châu V. D. phóng tàu thăm dò Mặt Trăng.

Câu 5. Nguyên nhân khách quan nào đã tạo điều kiện cho các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập năm 1945?

- A. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
B. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
C. thực dân Hà Lan suy yếu mất quyền thống trị ở Indonesia.
D. thực dân Pháp bị Nhật đảo chính mất quyền thống trị ở Đông Dương.

Câu 6. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

- A. Indonesia, Việt Nam, Lào. B. Indonesia, Việt Nam, Campuchia.
C. Việt Nam, Lào, Thái Lan. D. Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 7. Quốc gia nào có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ở Đông Nam Á trong những năm 70 của thế kỷ XX?

- A. Singapore. B. Malaysia. C. Philippines. D. Thái Lan.

Câu 8. Quốc gia nào tuyên bố độc lập muộn nhất ở Đông Nam Á?

- A. Indonesia. B. Brunei. C. Myanmar. D. Timor Leste.

Câu 9. Đảng Quốc đại là chính đảng của giai cấp nào ở Ấn Độ?

- A. Tư sản. B. Vô sản. C. Nông dân. D. Tiểu tư sản.

Câu 10. Theo phương án “Mounbatten”, Ấn Độ được thực dân Anh hứa sẽ trao trả quyền

- A. độc lập. B. tự do. C. tự trị. D. tự quyết.

Câu 11. Giai cấp giữ vai trò lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. giai cấp công nhân và nông dân. B. giai cấp tư sản và vô sản.
C. giai cấp tư sản và tiểu tư sản. D. giai cấp tiểu tư sản và công nhân.

Câu 12. Năm 1947, dựa trên cơ sở nào thực dân Anh đã chia Ấn Độ thành hai quốc gia (Ấn Độ và Pakistan)?

- A. Văn hóa. B. Kinh tế. C. Tôn giáo. D. Lãnh thổ.

Câu 13. Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Ấn Độ ngày 26/1/1950?

- A. Ấn Độ giành quyền tự trị. B. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.
C. Ấn Độ phóng thành công vệ tinh nhân tạo. D. Ấn Độ tuyên bố độc lập.

Câu 14. “Phương án Mounbatten” chia Ấn Độ thành 2 quốc gia là

- A. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.
B. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Phật giáo.
C. Ấn Độ của người theo đạo Tin Lành, Pakistan của người theo Hồi giáo.
D. Ấn Độ của người theo Thiên chúa giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.

Câu 15. Chính sách đối ngoại Ấn Độ theo đuổi sau khi giành độc lập là

- A. hòa bình, trung lập tích cực. B. trung lập, tiếp nhận sự viện trợ từ mọi phía.
C. hòa bình, hữu nghị hợp tác. D. trung lập, không tham gia liên minh quân sự nào.

Câu 16. Năm 1950, nhân dân Ấn Độ giành độc lập từ thực dân nào sau đây?

- A. Bỉ. B. Anh. C. Bồ Đào Nha. D. Tây Ban Nha.

Câu 17. Quốc gia giành độc lập sớm nhất ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mozambique. B. Zimbabwe. C. Angola. D. Ai Cập.

Câu 18. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở

- A. châu Á. B. châu Phi. C. Mỹ Latinh. D. châu Âu.

Câu 19. Hình thức đấu tranh chủ yếu của các nước Mỹ Latinh sau thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959 là

- A. đấu tranh nghị trường. B. đấu tranh vũ trang.
C. đấu tranh kinh tế. D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 20. Nước cuối cùng giành độc lập ở châu Phi là

- A. Ghine. B. Angola. C. Namibia. D. Morocco.

Câu 21. Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi là

- A. Thabo Mbeki. B. Nelson Mandela. C. Jacob Zuma. D. Frederik de Klerk.

Câu 22. Đầu thế kỷ XIX, hầu hết các nước Mỹ Latinh đều độc lập nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của

- A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp. C. đế quốc Mỹ. D. thực dân Hà Lan.

Câu 23. Một trong những sự kiện diễn ra ở khu vực Đông Nam Á năm 1945 là

- A. Liên minh châu Âu (EU) được thành lập. B. Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời.
C. Nước Cộng hòa Indonesia ra đời. D. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời.

Câu 24. Một trong những sự kiện diễn ra ở khu vực Đông Nam Á năm 1945 là

- A. Liên minh châu Âu (EU) được thành lập. B. Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời.
C. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời. D. nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

Câu 25. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi, nước nào thể hiện tinh thần bền bỉ chống chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai?

- A. Nam Phi. B. Ai Cập. C. Mozambique. D. Algieria.

Câu 26. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chế độ phân biệt chủng tộc. B. chủ nghĩa thực dân cũ.
C. chủ nghĩa đế quốc. D. chế độ độc tài thân Mỹ.

Câu 27. Nước Cộng hòa Cuba ra đời (ngày 1/1/1959) là kết quả đấu tranh của nhân dân Cuba chống

A. thực dân Anh.

B. chế độ độc tài Batista.

C. thực dân Pháp.

D. thực dân Hà Lan.

Câu 28. “Kế hoạch Marshall ” (1947) còn được gọi là

A. kế hoạch phục hưng châu Âu.

B. kế hoạch khôi phục châu Âu.

C. kế hoạch phục hưng các nước Tây Âu.

D. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 29. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra (4/1949) nhằm

A. chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

B. chống lại phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

C. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. chống lại phong trào công nhân trên thế giới.

Câu 30. Từ năm 1952 -1973, Nhật Bản liên minh chặt chẽ với nước nào sau đây?

A. Cuba.

B. Trung Quốc.

C. Mỹ.

D. Việt Nam.

Câu 31. Từ năm 1952-1973, kinh tế Nhật Bản có biểu hiện nào sau đây?

A. Khủng hoảng.

B. Trì trệ.

C. Suy thoái.

D. Phát triển.

Câu 32. Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỷ XX là

A. Mỹ - Anh - Pháp.

B. Mỹ - Liên Xô - Nhật Bản.

C. Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản.

D. Mỹ - Đức - Nhật Bản.

Câu 33. Nội dung thể hiện chính sách liên minh chặt chẽ với Mỹ của Nhật Bản là

A. Mỹ chấp nhận Nhật đầu hàng.

B. Mỹ viện trợ nhiều cho Nhật.

C. Mỹ đóng quân ở Nhật.

D. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật.

Câu 34. Biểu hiện nào chứng tỏ, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ?

A. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất thế giới.

B. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế, tài chính lớn của thế giới.

C. Mỹ trở thành trung tâm thương mại lớn nhất thế giới.

D. Mỹ trở thành trung tâm quân sự lớn nhất thế giới.

Câu 35. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại là

A. Anh.

B. Mỹ.

C. Liên Xô.

D. Nhật Bản.

Câu 36. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, về đối ngoại, Mỹ đã triển khai chiến lược

A. chiến tranh nóng.

B. hòa bình.

C. toàn cầu.

D. hiếu chiến.

Câu 37. Trong thập niên 90, Tổng thống Mỹ B. Clinton đã theo đuổi chính sách đối ngoại nào?

A. Chiến lược toàn cầu “Ngăn đe thực tế”.

B. Chiến lược toàn cầu phản ứng linh hoạt.

C. Chiến lược toàn cầu “Bên miệng hố chiến tranh”.

D. Chiến lược toàn cầu “Cam kết và mở rộng”.

Câu 38. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố dẫn đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản giai đoạn 1952-1973?

A. Tận dụng được nguyên liệu từ các thuộc địa.

B. Tài nguyên khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn.

C. Không bị Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá.

D. Nhà nước lãnh đạo và quản lý có hiệu quả.

Câu 39. Đến nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành

A. siêu cường tài chính số một thế giới.

B. nền kinh tế lớn nhất thế giới.

C. trung tâm kinh tế duy nhất của thế giới.

D. cường quốc quân sự số một thế giới.

Câu 40. Học thuyết đánh dấu Nhật Bản bắt đầu chú trọng quan hệ kinh tế chính trị - văn hóa - xã hội của các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN là

- A. học thuyết Fukuda (1977).
- B. học thuyết Kaifu (1991).
- C. học thuyết Miyadawa (1993).
- D. học thuyết Hashimoto (1997).

Câu 41. Nhật đẩy nhanh sự phát triển khoa học - kỹ thuật trong những năm 1950 - 1960 bằng cách

- A. đầu tư nghiên cứu các công nghệ mới.
- B. đầu tư nhiều cho giáo dục.
- C. mua các phát minh sáng chế.
- D. mời các nhà khoa học giỏi đến Nhật.

Câu 42. Nội dung nào sau đây là điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

- A. Hợp tác chiến lược với Trung Quốc.
- B. Tìm cách trở lại thuộc địa.
- C. Hợp tác chiến lược với Liên Xô.
- D. Hợp tác chiến lược với Cuba.

Câu 43. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. biết xâm nhập thị trường thế giới.
- B. tác dụng của những cải cách dân chủ.
- C. coi trọng nhân tố con người và giáo dục đào tạo.
- D. áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật.

Câu 44. Nhờ đâu con người thoát khỏi nạn đói?

- A. Phát minh được nhiều công cụ mới cho nông nghiệp.
- B. Tìm ra nhiều nguồn năng lượng mới phục vụ sản xuất.
- C. Tiến hành cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp.
- D. Phát triển giao thông vận tải vận chuyển hàng hóa.

Câu 45. Quốc gia mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ là

- A. Mỹ.
- B. Liên Xô.
- C. Nhật.
- D. Trung Quốc.

Câu 46. Xu thế toàn cầu hoá là hệ quả của

- A. sự ra đời của các công ty đa quốc gia.
- B. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
- C. sự phát triển quan hệ thương mại thế giới.
- D. quá trình thống nhất thị trường trên thế giới.

Câu 47. Bản chất của toàn cầu hóa là

- A. toàn cầu hóa về văn hóa.
- B. toàn cầu hóa về xã hội.
- C. toàn cầu hóa về chính trị.
- D. toàn cầu hóa về kinh tế.

Câu 48. Trong xu thế toàn cầu hóa, giá trị trao đổi của lĩnh vực nào đã tăng lên mạnh mẽ trên phạm vi quốc tế?

- A. Tiền tệ.
- B. Dịch vụ.
- C. Thương mại.
- D. Công nghệ.

Câu 49. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn nhằm

- A. hình thành các công ty xuyên quốc gia.
- B. thắt chặt quan hệ thương mại quốc tế.
- C. đẩy mạnh xu hướng toàn cầu hoá.
- D. tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Câu 50. Thương mại quốc tế tăng chứng tỏ điều gì về tính chất nền kinh tế thế giới hiện nay?

- A. Tính toàn cầu.
- B. Tính đa dạng.
- C. Tính quốc tế hóa.
- D. Tính liên kết khu vực.

Câu 51. Hiệp ước đánh dấu từ cộng đồng châu Âu EC sang Liên minh châu Âu EU là

- A. Helsinki.
- B. Berlin.
- C. Maastricht.
- D. Paris.

Câu 52. “Liên minh châu Âu” (EU) là tổ chức

- A. liên minh về nhiều mặt giữa các thành viên có cùng chế độ chính trị.
- B. hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ.
- C. hợp tác liên minh về chính trị, đối ngoại, an ninh.
- D. liên minh, hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề về an ninh chung.

Câu 53. Đến cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, Liên minh châu Âu là một tổ chức

- A. liên kết kinh tế lớn nhất thế giới.
- B. liên kết chính trị lớn nhất thế giới.
- C. liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất thế giới.
- D. quan trọng nhất trên trường quốc tế.

Câu 54. Năm 1991, Hiệp ước Maastricht được ký kết, là cơ sở hình thành tổ chức

- A. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
- B. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).
- C. Cộng đồng châu Âu (EC).
- D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 55. Ngày 1/1/2002, Liên minh châu Âu chính thức

- A. lập Hội đồng Bộ trưởng châu Âu.
- B. lập Quốc hội châu Âu.
- C. lập Tòa án châu Âu.
- D. lưu hành đồng EURO.

Câu 56. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN bao gồm

- A. Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Lào.
- B. Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Việt Nam.
- C. Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan.
- D. Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Miến Điện.

Câu 57. Mục đích của việc ký kết Hiến chương ASEAN (11/2007) là

- A. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.
- B. xây dựng ASEAN thành một tổ chức hợp tác toàn diện.
- C. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng kinh tế, văn hóa.
- D. xây dựng ASEAN thành một tổ chức năng động và hiệu quả.

Câu 58. Một trong những nguyên tắc hoạt động cơ bản của tổ chức ASEAN là

- A. hợp tác, phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
- B. hợp tác, phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.
- C. hợp tác, phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, an ninh.
- D. hợp tác, phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh.

Câu 59. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Trật tự thế giới hai cực Yalta sụp đổ.
- B. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt.
- C. Nhiều tổ chức hợp tác khu vực ra đời.
- D. Chủ nghĩa thực dân bị xóa có học hành toàn.

Câu 60. Những nội dung nào sau đây là nguồn gốc của cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra từ những năm 40 của thế kỷ XX?

- A. Trật tự đa cực được thiết lập.
- B. Những đòi hỏi của cuộc sống.
- C. Trật tự hai cực Yalta sụp đổ.
- D. Mỹ thiết lập trật tự đơn cực.

Câu 61. Quốc gia nào sau đây là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Đông Timor.
- B. Nhật Bản.
- C. Việt Nam.
- D. Trung Quốc.

Câu 62. Nguyên tắc hoạt động cơ bản của các tổ chức ASEAN được xác định từ Hội nghị nào sau đây?

- A. Băng Cốc (Thái Lan).
- B. Bali (Indonesia).
- C. Hà Nội (Việt Nam).
- D. Phnôm Pênh (Campuchia).

Câu 63. Sau Chiến tranh lạnh, để xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia, các nước đã điều chỉnh chiến lược lấy

- A. kinh tế làm trọng điểm.
- B. chính trị làm trọng điểm.
- C. quân sự làm trọng điểm.
- D. ngoại giao làm trọng điểm.

Câu 64. Trong giai đoạn hiện nay để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta cần phải làm gì?

Tổ Lịch Sử - THPT Nguyễn Hiền

A. Thành lập các công ty lớn.

B. Tiến hành cải cách sâu rộng.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Khai thác mạnh nguồn tài nguyên.

Câu 65. Một trong những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước được đề cập trong Hiệp ước Bali (2/1976) của ASEAN là

A. chung sống hòa bình và chống chiến tranh.

B. hợp tác có hiệu quả trong lĩnh vực quân sự.

C. không can thiệp vào công việc nội bộ.

D. tôn trọng độc lập chính trị của các nước.

Câu 66. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong bối cảnh

A. cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại diễn ra mạnh mẽ.

B. Việt Nam đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.

C. trật tự hai cực Yalta đã sụp đổ hoàn toàn.

D. Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 67. Một trong những yếu tố thúc đẩy sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1967 là

A. cần liên minh để chống phát xít.

B. cần đoàn kết lật đổ quân phiệt Nhật Bản.

C. chung mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. nhu cầu hợp tác để cùng phát triển.

Câu 68. Sau khi các chính quyền thân Mỹ sụp đổ, các nước Mỹ Latinh thành lập chính quyền

A. Quân chủ lập hiến.

B. Xã hội chủ nghĩa.

C. Dân tộc dân chủ.

D. Tự do dân chủ.

Câu 69. Trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, quốc gia có chính sách giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa là

A. Anh.

B. Brunei.

C. Liên Xô.

D. Mỹ.

Câu 70. Sau khi “Chiến tranh lạnh” chấm dứt, Mỹ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?

A. đa cực.

B. đơn cực nhiều trung tâm.

C. đa cực nhiều trung tâm.

D. đơn cực.

*** THÔNG HIỂU**

Câu 71. Sự kiện nào sau đây **không** diễn ra ở khu vực Đông Nam Á?

A. Tháng 10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi.

B. Ngày 17/8/1945, Indonesia nổi dậy giành độc lập.

C. Ngày 8/8/1967, tổ chức ASEAN được thành lập.

D. Tháng 2/1976, Hiệp ước Bali được ký kết.

Câu 72. Nội dung nào sau đây **không** thuộc đường lối đổi mới của Trung Quốc từ 1978?

A. Tiến hành cải cách và mở cửa.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

C. Thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”.

D. Chuyển sang kinh tế thị trường XHCN.

Câu 73. Sự kiện nào sau đây **không** thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa.

D. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 74. Biến đổi quan trọng nhất của Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. từ những nước thuộc địa trở thành các quốc gia độc lập.
- B. các nước Đông Nam Á đều là thành viên của tổ chức ASEAN.
- C. các nước ra sức xây dựng kinh tế - xã hội, đạt nhiều thành tựu.
- D. một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NICs).

Câu 75. Yếu tố quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.
- B. thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.
- C. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.
- D. ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

Câu 76. Sau chiến tranh thế giới thứ hai những quốc gia nào bị chia cắt ở khu vực châu Á?

- A. Việt Nam, Triều Tiên, Ấn Độ.
- B. Hàn Quốc, Việt Nam, Ấn Độ.
- C. Lào, Việt Nam, Nhật Bản.
- D. Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Câu 77. Sự kiện góp phần mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là

- A. nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập (2/9/1945).
- B. nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (1/10/1949).
- C. Ấn Độ tuyên bố độc lập và lập nước cộng hòa (26/1/1950).
- D. nước Cộng hòa Nhân dân Cuba thành lập (1/1/1959).

Câu 78. Những nguyên nhân cơ bản nào giúp ba nước Indonesia, Việt Nam và Lào giành độc lập sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Điều kiện khách quan thuận lợi và biết chớp thời cơ.
- B. Điều kiện khách quan thuận lợi và nhân dân nhiệt tình cách mạng.
- C. Kẻ thù đã suy yếu và được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ.
- D. Có sự chuẩn bị lâu dài kết hợp với chớp thời cơ.

Câu 79. Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là “Năm châu Phi” vì

- A. tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- B. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất.
- C. có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- D. chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

Câu 80. Khu vực Bắc Phi là nơi đầu tiên bùng lên phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi vì nguyên nhân nào sau đây?

- A. Khu vực có điều kiện kinh tế xã hội tương đối phát triển, ý thức dân tộc cao.
- B. Chế độ độc tài thân phương Tây ở Bắc Phi bán rẻ quyền lợi dân tộc.
- C. Khu vực nhiều dầu mỏ nên được Liên Xô giúp đỡ để thiết lập ảnh hưởng.
- D. Kênh đào Suez đem lại nguồn thu lớn nhân dân muốn trực tiếp quản lý.

Câu 81. Phong trào giải phóng dân tộc ở Nam Phi có đặc điểm nổi bật là

- A. chống chế độ phân biệt đẳng cấp.
- B. chống chủ nghĩa thực dân Pháp.
- C. chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
- D. chống chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 82. Thắng lợi tiêu biểu nhất ở khu vực Mỹ Latinh trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. cuộc cách mạng Argentina.
- B. cuộc cách mạng Cuba.
- C. cuộc cách mạng Venezuela.
- D. cuộc cách mạng Colombia.

Câu 83. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố dẫn đến thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Nhận được viện trợ của tất cả các nước châu Âu.
- B. Có viện trợ của tất cả các nước Mỹ Latinh.
- C. Nhận được viện trợ của các nước Đông Dương.
- D. Có phương pháp đấu tranh phù hợp.

Câu 84. Năm 1975, thắng lợi của nhân dân Mozambique và Angola trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha là mốc đánh dấu

- A. chủ nghĩa thực dân mới ở châu Phi sụp đổ hoàn toàn.
- B. Chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản sụp đổ.
- C. chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi chính thức bị xóa bỏ.
- D. Chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi sụp đổ hoàn toàn.

Câu 85. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố dẫn đến thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Nhận được viện trợ của tất cả các nước châu Âu.
- B. Sự lãnh đạo của lực lượng xã hội tiến bộ.
- C. Có sự viện trợ của tất cả các nước Mỹ Latinh.
- D. Nhận được viện trợ của các nước Đông Dương.

Câu 86. Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ tồn tại chủ yếu dưới hình thức

- A. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
- B. chủ nghĩa đế quốc.
- C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- D. chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Câu 87. Chiến lược Cam kết và mở rộng của chính quyền B. Clinton là nhằm

- A. khẳng định vai trò của Mỹ trong quan hệ quốc tế.
- B. khẳng định chính sách trung lập của Mỹ.
- C. đảm bảo một thế giới không có nghèo đói.
- D. đảm bảo một thế giới không có chiến tranh.

Câu 88. Sự kiện nào chứng tỏ chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỷ XXI?

- A. vụ khủng bố ngày 11/9/2001.
- B. vụ khủng bố ngày 19/1/2001.
- C. vụ khủng bố ngày 19/11/2001.
- D. vụ khủng bố ngày 11/1/2001.

Câu 89. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật.
- B. Mỹ giàu lên nhanh nhờ buôn bán vũ khí.
- C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 90. Nguyên nhân nào **không** đúng với sự phát triển kinh tế Mỹ trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đặt ách nô dịch lên các nước.
- B. Không bị chiến tranh tàn phá.
- C. Làm giàu nhanh nhờ bán vũ khí.
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 91. Nguyên nhân cơ bản nào sau đây quyết định sự phát triển nhảy vọt của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.
- B. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.
- C. Quân sự hoá nền kinh tế để buôn bán vũ khí.
- D. Điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi.

Câu 92. Cơ sở để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.
- B. sự ủng hộ của các nước đồng minh bị Mỹ khống chế.
- C. tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của nước Mỹ.
- D. phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thế giới tạm lắng.

Câu 93. Nội dung nào **không** phải mục tiêu của Mỹ khi triển khai chiến lược toàn cầu?

- A. Làm bá chủ toàn cầu.
- B. Tiêu diệt Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa.
- C. Khống chế các nước đồng minh.
- D. Giúp đỡ các nước tư bản và các nước khác.

Câu 94. Trong chính sách đối ngoại sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ sử dụng những biện pháp chủ yếu để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác là

- A. dùng vũ lực để can thiệp vào tình hình các nước.
- B. dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ và tôn giáo.
- C. sử dụng tiền để đầu tư đồng thời gây sức ép.
- D. xem đồng minh là công cụ thực hiện chiến lược toàn cầu.

Câu 95. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- B. Hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế.
- C. Sản xuất công, nông nghiệp sa sút nghiêm trọng.
- D. Thu được lợi nhuận khổng lồ qua việc bán vũ khí.

Câu 96. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng chính sách ưu tiên của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. củng cố chính quyền tư sản, ổn định xã hội.
- B. tập trung khôi phục và phát triển kinh tế.
- C. tìm cách thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.
- D. tìm cách quay trở lại các thuộc địa cũ của mình.

Câu 97. Nhân tố quan trọng hàng đầu giúp các nước Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chính sách đúng đắn của các nhà nước ở Tây Âu.
- B. sự nỗ lực vươn lên của nhân dân các nước Tây Âu.
- C. nhận được khoản bồi thường sau chiến tranh.
- D. viện trợ của Mỹ thông qua “kế hoạch Marshall”.

Câu 98. Yếu tố nào sau đây **không** đúng trong nguyên nhân kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh trong những năm 1950 – 1973?

- A. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.
- B. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. Ngân sách chi cho quốc phòng rất thấp, chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.
- D. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC).

Câu 99. Nét nổi bật nhất trong tình hình đối ngoại của các nước Tây Âu những năm 1950 - 1973 là

Tổ Lịch Sử - THPT Nguyễn Hiền

- A. chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu sắc của Mỹ trong quan hệ đối ngoại.
- B. các nước Tây Âu thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.
- C. nhiều thuộc địa tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kỳ “phi thực dân hóa”.
- D. một số nước Tây Âu phát triển quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 100. Từ năm 1973 - 1991, nền kinh tế các nước Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái là do

- A. sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ tác động từ khủng hoảng năng lượng.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- C. sự vươn lên và cạnh tranh mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới NICs.
- D. sự vươn lên mạnh mẽ và cạnh tranh gay gắt của Nhật Bản, Trung Quốc.

Câu 101. Nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển là

- A. biết tận dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật thế giới.
- B. Nhân tố con người đóng vai trò quyết định hàng đầu
- C. nhờ tiến hành cải cách ruộng đất, dân chủ hóa lao động.
- D. vai trò quản lý và điều tiết của Nhà nước có hiệu quả.

Câu 102. Nhật chấp nhận liên minh chặt chẽ với Mỹ

- A. do các hiệp định đã ký kết giữa Mỹ và Nhật.
- B. vì những điều khoản của Hội nghị Yalta.
- C. để tránh bị các nước khác tấn công quân sự.
- D. do xem đó như một cơ hội để phát triển.

Câu 103. Các cuộc chiến tranh được ví như “ngọn gió thần” thổi vào nền kinh tế Nhật Bản là

- A. chiến tranh Trung Quốc (1946 - 1949) và chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953).
- B. chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) và chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975).
- C. chiến tranh Trung Quốc (1946 - 1949) và chiến tranh Vùng Vịnh (1991).
- D. chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) và chiến tranh Vùng Vịnh (1991).

Câu 104. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố dẫn đến sự phát triển của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1952-1973?

- A. Tận dụng được nguyên liệu từ các nước thuộc địa.
- B. Phát huy được những nguồn lực từ bên ngoài.
- C. Tài nguyên khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn.
- D. Không bị Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá.

Câu 105. Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu những năm 1950 - 1973 là

- A. chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu sắc của Mỹ.
- B. đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.
- C. trao trả độc lập cho tất cả các nước thuộc địa.
- D. phát triển quan hệ với Liên Xô và Đông Âu.

Câu 106. Nhận xét nào dưới đây **không** đúng khi nói về chính sách đối ngoại của Mỹ trong những năm 1991 - 2000?

- A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Thiết lập thể đơn cực để âm mưu làm bá chủ thế giới.
- C. Thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm làm bá chủ thế giới.
- D. Thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng”.

Câu 107. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần II?

Tổ Lịch Sử - THPT Nguyễn Hiền

- A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ. B. Sự giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.
C. Đưa con người sang nền văn minh trí tuệ. D. Dẫn tới xu thế toàn cầu hóa.

Câu 108. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học – công nghệ.
D. mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 109. Ý nào sau đây **không** là tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ II đến quan hệ quốc tế?

- A. Quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng.
B. Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa 2 cực Xô - Mỹ.
C. Dẫn đến sự hình thành các liên minh kinh tế.
D. Làm cho trật tự 2 cực Yalta xói mòn và sụp đổ.

Câu 110. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh mặt tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.
B. Hoạt động và đời sống con người trở nên kém an toàn.
C. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
D. Gây bất công xã hội, phân hóa giàu nghèo.

Câu 111. Nội dung nào dưới đây **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự sáp nhập và hợp nhất của các tập đoàn tư bản tài chính.
B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
D. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 112. Tổ chức Liên minh châu Âu (EU) và tổ chức ASEAN hình thành theo xu hướng

- A. liên kết toàn cầu. B. liên kết khu vực.
C. liên kết quốc gia. D. liên kết xuyên lục địa.

Câu 113. Nội dung nào dưới đây **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự sáp nhập và hợp nhất của các tập đoàn tư bản tài chính.
C. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
D. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 114. Nội dung nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của cuộc Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)?

- A. Quan hệ quốc tế luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng.
B. Tạo nên cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc.
C. Thành lập nhiều khối quân sự và căn cứ quân sự trên thế giới.
D. Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ và phát triển mạnh mẽ.

Câu 115. Nửa sau thế kỷ XX, quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng và đa dạng là do

- A. sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật.
B. sự tham gia của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh sau khi giành độc lập.
C. hai cường quốc Xô – Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
D. xu thế quốc tế hóa khu vực bắt đầu diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Câu 116. Nội dung nào **không** phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hiệp quốc?

- A. Bình đẳng chủ quyền quốc gia và quyền tự quyết dân tộc.
B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị các nước.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

D. Phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các quốc gia.

Câu 117. Vì sao việc phân chia phạm vi đóng quân và khu vực ảnh hưởng của các cường quốc ở châu Âu và châu Á là vấn đề tranh luận gay gắt nhất trong Hội nghị Yalta (2/1945)?

A. Liên quan đến lợi ích cốt lõi của các cường quốc.

B. Vì vấn đề này có rất nhiều khó khăn và tổn kém.

C. Liên quan đến hòa bình thế giới, tránh chiến tranh.

D. Vì các khu vực đóng quân nằm rải rác khó quản lý.

Câu 118. Chủ nghĩa thực dân cũ và chế độ Apartheid sụp đổ là hệ quả của

A. sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á - Phi - Mỹ Latinh.

B. việc hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành từ châu Âu sang châu Á.

C. sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.

D. cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc ở nước Cộng hòa Nam Phi.

Câu 119. Đặc trưng lớn nhất của trật tự thế giới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thế giới bị chia thành hai cực, hai phe.

B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được hình thành.

C. Mỹ vươn lên trở thành siêu cường duy nhất.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

Câu 120. Hội nghị Yalta (2/1945) **không** quyết định vấn đề

A. nhanh chóng tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật.

B. lập tổ chức liên hiệp quốc để duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các cường quốc thắng trận.

D. đưa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

Câu 121. Thời cơ Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam chấm dứt khi

A. Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Liên Xô đánh tan quân Quan Đông.

D. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật.

* VẬN DỤNG

Câu 122. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc (1978 - 2000) được đánh giá là

A. góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

B. thành công biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh nhất thế giới.

C. đưa Trung Quốc thoát khỏi cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973.

D. đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh Trung Quốc trong những năm 80.

Câu 123. Nhiệm vụ chung của cách mạng Lào và Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975 là

A. kháng chiến chống Pháp.

B. kháng chiến chống Mỹ.

C. đấu tranh giành độc lập.

D. xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 124. Những điểm giống nhau cơ bản giữa cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 là

A. giành độc lập và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. chung kẻ thù, chung những mối thắng lợi quan trọng.

C. buộc Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

D. đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 125. Điểm khác biệt cơ bản giữa cách mạng Campuchia với cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam năm 1945 là

- A. tiến hành chống chế độ diệt chủng Kh'mer đỏ.
- B. thi hành đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập.
- C. không giành được chính quyền từ phát xít Nhật.
- D. giành được chính quyền từ thực dân Pháp, Nhật.

Câu 126. Điểm khác biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ với các nước Đông Nam Á là gì?

- A. Khuynh hướng đấu tranh.
- B. Tổ chức lãnh đạo.
- C. Giai cấp lãnh đạo.
- D. Hình thức đấu tranh.

Câu 127. Thắng lợi có tác động mạnh đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi là

- A. cách mạng Ai Cập thành công (1953).
- B. chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam (1954).
- C. cách mạng Cuba thành công (1959).
- D. thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1975).

Câu 128. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, khác với các nước châu Á và châu Phi, các nước Mỹ Latinh

- A. là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- B. là thuộc địa của Tây Ban Nha.
- C. sớm giành được độc lập từ thế kỷ XIX.
- D. giành độc lập bằng con đường ngoại giao.

Câu 129. Sự ra đời và tham gia đời sống chính trị thế giới của hơn 100 quốc gia độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. là yếu tố quyết định dẫn đến sự xuất hiện của xu thế hòa hoãn Đông-Tây.
- B. đã thúc đẩy phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ.
- C. đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- D. là yếu tố quyết định sự xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.

Câu 130. Điểm chung của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. bị đàn áp nên không thể phát triển.
- B. phát triển không đồng nhất ở vài nơi.
- C. bùng nổ, giành được thắng lợi to lớn.
- D. tất cả cuộc đấu tranh đều bị thất bại.

Câu 131. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản đồng minh chống phát xít không có?

- A. Phải vay nợ dưới hình thức viện trợ của Mỹ.
- B. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.
- C. Là nước bại trận, bị mất hết thuộc địa.
- D. Lương thực, thực phẩm thiếu gay gắt.

Câu 132. Trong sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản, nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

- A. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kỹ thuật.
- B. Mua bằng phát minh, tập chung đầu tư vào các ngành kỹ thuật then chốt.
- C. “Len lách” xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.
- D. Phát huy truyền thống tự lực, tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 133. Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, Nhật Bản có đặc điểm gì khác các nước khác?

- A. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh sáng chế.

- B. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kỹ thuật.
- C. Coi trọng và tận dụng cơ hội tốt từ bên ngoài để phát triển kinh tế.
- D. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

Câu 134. Điểm chung nhất của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần I và lần II là gì?

- A. Bắt nguồn từ đòi hỏi của cuộc sống và sản xuất.
- B. Đạt nhiều thành tựu trên lĩnh vực công nghệ.
- C. Phát minh ra nhiều loại vũ khí mới.
- D. Khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh.

Câu 135. Đứng trước xu thế toàn cầu hóa, những vấn đề nào sau đây có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta?

- A. Nắm bắt cơ hội, phát triển mạnh mẽ.
- B. Vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ.
- C. Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, đổi mới mạnh mẽ.
- D. Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ.

Câu 136. Một trong nội dung nào sau đây là tác động tích cực của xu thế toàn cầu hóa từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX?

- A. Sự phát triển nhanh của lực lượng sản xuất.
- B. Sự kém an toàn của đời sống con người.
- C. Sự kém an toàn về kinh tế.
- D. Sự kém an toàn về chính trị.

Câu 137. Một trong những điểm chung về nguyên nhân ra đời của ASEAN và EU là nhằm

- A. hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc.
- B. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô và Mỹ ở khu vực.
- C. chống lại sự cạnh tranh kinh tế của Mỹ và Nhật.
- D. học theo các tổ chức kinh tế quốc tế, khu vực.

Câu 138. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vai trò chủ yếu của Liên hợp quốc trong việc giải quyết những biến động của tình hình thế giới hiện nay?

- A. Là diễn đàn vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- B. Thúc đẩy các mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên trên nhiều lĩnh vực.
- C. Bảo vệ các di sản trên thế giới, cứu trợ nhân đạo khi các thành viên gặp khó khăn
- D. Góp phần ngăn chặn các đại dịch đe dọa sức khỏe loại người.

Câu 139. Nguyên tắc hoạt động nào dưới đây của tổ chức Liên hợp quốc được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông hiện nay?

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí của năm cường quốc.
- C. Không đe dọa vũ lực hoặc sử dụng vũ lực với nhau.
- D. Hợp tác có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, giáo dục.

Câu 140. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu mà Việt Nam có thể rút ra để tăng cường sức mạnh của Nhà nước là

- A. tăng cường mối quan hệ với các cường quốc.
- B. mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước.
- C. tăng cường tính dân chủ trong nhân dân.
- D. tăng cường tình đoàn kết trong Đảng và nhân dân.

Câu 141. Nhận xét nào dưới đây là đúng nhất về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sau khi giành độc lập, bước vào thời kỳ phát triển kinh tế trong điều kiện khó khăn.
- B. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, các nước giành được độc lập.
- C. Bước sang thời kỳ mới - xây dựng đất nước, đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế.

D. Có sự thay đổi sâu sắc, giành độc lập và xây dựng đất nước, đạt nhiều thành tựu rực rỡ.

Câu 142. Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào dưới đây từ chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm năm nước sáng lập ASEAN?

- A. Coi trọng sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ của nước ngoài.
- B. Chú trọng phát triển ngoại thương, sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.
- C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- D. Có chiến lược kinh tế phù hợp với đặc điểm riêng của đất nước và xu thế chung của thế giới.

Câu 143. Khi tham gia vào tổ chức ASEAN, Việt Nam sẽ phải đối đầu với nguy cơ

- A. mất quyền tự chủ về kinh tế.
- B. sự chống phá của các thế lực thù địch.
- C. mất bản sắc dân tộc do sự hoà tan về văn hoá.
- D. không đủ tài nguyên xây dựng nền kinh tế công nghệ cao.

Câu 144. Nhận xét điểm chung trong chính sách đối ngoại của Mỹ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 - 2000 là

- A. Hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.
- B. Tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.
- D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 145. Điểm khác biệt trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai so với trước là

- A. chống cộng sản và Liên Xô.
- B. mở rộng ra khắp thế giới.
- C. chống chủ nghĩa xã hội.
- D. chú trọng “châu Mỹ trước hết”.

Câu 146. Điểm chung trong chính sách đối ngoại của các Tổng thống Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chú trọng “châu Mỹ trước hết”.
- B. mở rộng ra toàn châu Âu.
- C. thực thi chiến lược toàn cầu.
- D. dùng vũ lực khống chế đồng minh.

Câu 147. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam và Cách mạng Cuba năm 1959 đều

- A. chịu tác động bởi sự đối đầu giữa hai hệ thống xã hội đối lập.
- B. có nhiệm vụ chống đế quốc, phong kiến đòi quyền tự do dân chủ.
- C. được lãnh đạo bởi những lực lượng xã hội tiên tiến.
- D. xóa bỏ được ách áp bức của chủ nghĩa thực dân mới.

Câu 148. Sự kiện Anh muốn rời Liên minh châu Âu (2016) đã tác động như thế nào đến tình hình chung của liên minh châu Âu?

- A. Gây khó khăn, làm đảo lộn nền kinh tế tài chính của khu vực.
- B. Gây khó khăn trong việc quan hệ thương mại của khu vực.
- C. Gây khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Anh và khu vực.
- D. Gây khó khăn trong quan hệ trao đổi về tài chính trong khu vực.

Câu 149. Một trong những di chứng của Chiến tranh lạnh ở châu Á là

- A. chủ nghĩa khủng bố.
- B. sự căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên.
- C. chủ nghĩa dân tộc cực đoan.
- D. sự thành lập nước CHND Trung Hoa.

Câu 150. Trong những yếu tố dưới đây yếu tố nào được xem là thuận lợi của Việt Nam khi tham gia vào tổ chức ASEAN?

- A. Có điều kiện áp dụng những thành tựu khoa - học kỹ thuật hiện đại của thế giới.
- B. Có điều kiện tăng cường sức mạnh quân sự của mình trong khu vực.
- C. Có điều kiện tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với các nước trong khu vực.
- D. Có điều kiện để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phát triển.

